| | |
|---|---|
| TRƯỜNG THPT<br>CAO BÁ QUÁT-QUỐC OAI<br>**TỔ LÝ-HÓA-ĐỊA**<br>**ĐỀ CHÍNH THỨC**<br>*Đề thi có 03 trang* | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1**<br>**Năm học 2022-2023**<br>Môn : Địa lí 12<br>Thời gian : 45'; Không kể thời gian phát đề.<br>Ngày kiểm tra: 31/12/2022 |

*Đề thi gồm 20 câu trắc nghiệm và 2 câu tự luận.* **Mã đề : 157**

## PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 điểm)

**Câu 1.** Ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, sự hạ thấp đai cao cận nhiệt đới chủ yếu do

**A.** hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc. **B.** ảnh hưởng của gió mùa Đông Nam.
**C.** đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích. **D.** hướng vòng cung của các dãy núi.

**Câu 2.** Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc đặc trưng cho vùng khí hậu nào

**A.** Nhiệt đới lục địa khô. **B.** Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
**C.** Cận xích đạo gió mùa. **D.** Cận nhiệt đơi hải dương .

**Câu 3.** Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ có đặc điểm tự nhiên nào dưới đây?

**A.** Mở rộng ra biển và các bãi triều thấp phẳng.
**B.** Hẹp ngang, bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ.
**C.** Các dạng địa hình bồi tụ, mài mòm xen kẽ lẫn nhau.
**D.** Thềm lục địa khúc khuỷu với thềm lục địa hẹp.

**Câu 4.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây **không** thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

**A.** Ngân Sơn. **B.** Đông Triều. **C.** Cai Kinh. **D.** Hoành Sơn.

**Câu 5.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có mưa nhiều từ tháng IX đến tháng XII?

**A.** Nha Trang. **B.** Đà Lạt. **C.** Thanh Hóa. **D.** Sa Pa.

**Câu 6.** Cho biểu đồ về dầu mỏ và than sạch của nước ta giai đoạn 2014 - 2018:

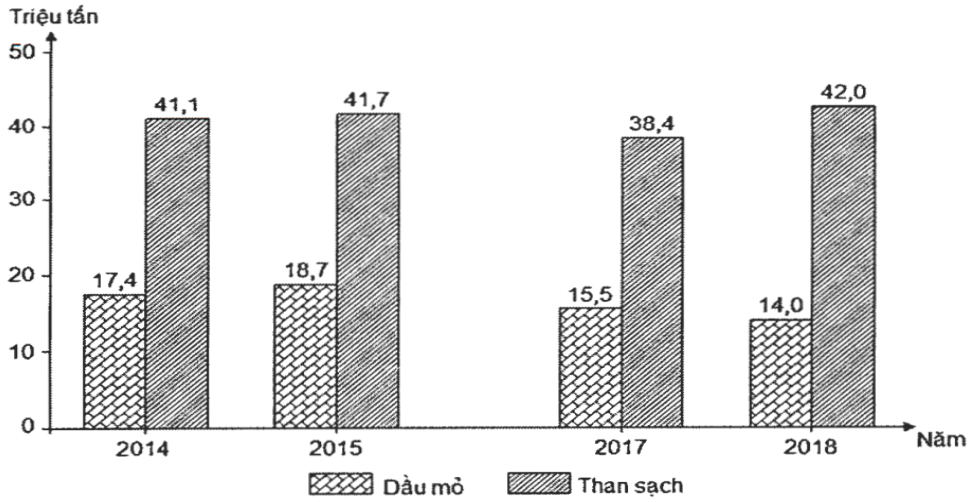


*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**B.** Cơ cấu sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**C.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**D.** Quy mô sản lượng dầu mỏ và than sạch.

**Câu 7.** Sự phân mùa của khí hậu nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Hoạt động của gió mùa. **B.** Bức xạ từ Mặt Trời tới.
**C.** Hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh. **D.** Sự phân bố lượng mưa theo mùa.

**Câu 8.** Cần thực hiện biện pháp nào về mặt kĩ thuật canh tác để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi?

**A.** Ngăn chặn nạn du canh, du cư. **B.** Trồng cây theo băng.
**C.** Cải tạo đất hoang. **D.** Bảo vệ rừng và đất rừng.

**Câu 9.** Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho gió mùa đông bắc xâm nhập sâu vào nước ta?
**A.** Hướng vòng cung của các dãy núi ở vùng Đông Bắc.
**B.** Nước ta có nhiều đồi núi.
**C.** Phía bắc giáp Trung Quốc.
**D.** Các dãy núi chủ yếu có hướng tây bắc - đông nam.

**Câu 10.** Tính nhiệt đới ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ tăng dần về phía Nam **không** phải là do
**A.** ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc bị giảm sút.
**B.** Tín phong Đông Bắc thổi ổn định quanh năm.
**C.** càng gần xích đạo nên lượng bức xạ càng tăng.
**D.** ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam khô nóng.

**Câu 11.** Nguyên nhân nào dưới đây trực tiếp làm cho diện tích đất trống, đồi trọc giảm mạnh trong những năm gần đây?
**A.** Ban hành sách Đỏ. **B.** Quy định việc khai thác rừng một cách hợp lí.
**C.** Chủ trương toàn dân đẩy mạnh trồng rừng. **D.** Nâng cao nhận thức của người dân.

**Câu 12.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2019 *(Đơn vị: Triệu kWh)*

| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2019** |
|---|---|---|---|---|
| Nhà nước | 67 678 | 123 291 | 133 081 | 165 548 |
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 5 941 | 7 333 | 12 622 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 12 018 | 17 535 | 13 423 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?
**A.** Đường. **B.** Tròn. **C.** Cột. **D.** Miền.

**Câu 13.** Nguyên nhân chính làm cho tài nguyên đất của nước ta bị thoái hoá là
**A.** Địa hình đồi núi chiếm hơn 3/4 diện tích lãnh thổ.
**B.** Có sự khác biệt lớn giữa các vùng về vốn đất.
**C.** Tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
**D.** Sức ép của dân số và sử dụng không hợp lí kéo dài.

**Câu 14.** Ở nước ta, các đồng bằng hạ lưu sông được bồi tụ, mở mang nhanh chóng là hệ quả
**A.** Sông ngòi nhiều nước. **B.** Quá trình xâm thực, bóc mòn mạnh mẽ ở miền núi.
**C.** Chế độ nước sông theo mùa. **D.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc.

**Câu 15.** Ở nước ta loại đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm là
**A.** đất cát, đát pha cát. **B.** đất phèn ,đất mặn **.**
**C.** đất feralit. **D.** đất phù sa ngọt.

**Câu 16.** Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là
**A.** rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
**B.** rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
**C.** rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
**D.** rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.

**Câu 17.** Căn cứ vào Átlat Địa lí Việt Nam trang 12, vườn quốc gia nào dưới đây **không** thuộc vùng đồng bằng sông Hồng?
**A.** Ba Vì **B.** Ba Bể **C.** Xuân Thủy **D.** Cát Bà

**Câu 18.** Sự phân hóa thiên nhiên giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do
**A.** độ cao địa hình và hướng các dãy núi.
**B.** độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.

**C.** ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật.
**D.** tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.

**Câu 19.** Vùng phía Nam nước ta **không** có đai ôn đới gió mùa trên núi vì
**A.** nằm kề vùng biển rộng. **B.** không có gió mùa Đông Bắc hoạt động.
**C.** không có độ cao trên 2600 m. **D.** nằm gần xích đạo.

**Câu 20.** Tính độ che phủ của nước ta năm 2015 biết tổng diện tích rừng là 13,5 triệu ha, diện tích lãnh thổ nước ta là 33,1 triệu ha.
**A.** 24,4%. **B.** 0,40%. **C.** 40,8%. **D.** 0,24%.

**PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)**

**Câu 1.** (2,0 điểm) Phân tích biểu hiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần ở địa hình và đất nước ta?

**Câu 2.** (3,0 điểm) Cho bảng số liệu

TỈ LỆ LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2019 *(Đơn vị: %)*

| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2019** |
|---|---|---|---|---|
| Thành thị | 27,9 | 30,7 | 32,5 | 32,4 |
| Nông thôn | 72,1 | 69,3 | 67,5 | 67,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

a.Vẽ biểu đồ(miền) thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo thành thị và nông thôn nước ta, giai đoạn 2010 – 2019.

b.Từ biểu đồ và bảng số liệu hãy nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo thành thị và nông thôn nước ta, giai đoạn 2010 – 2019.

.....HẾT.....

*(Học sinh được sử dụng Atlat ĐLVN do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 - nay)*

*Họ và tên học sinh : ……Lớp 12……..SBD……*

| TRƯỜNG THPT<br>CAO BÁ QUÁT-QUỐC OAI<br>**TỔ LÝ-HÓA-ĐỊA**<br>**ĐỀ CHÍNH THỨC**<br>*Đề thi có 03 trang* | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1**<br>**Năm học 2022-2023**<br>Môn : Địa lí 12<br>Thời gian : 45'; Không kể thời gian phát đề.<br>Ngày kiểm tra: 31/12/2022 |
|---|---|

*Đề thi gồm 20 câu trắc nghiệm và 2 câu tự luận.* **Mã đề : 191**

## PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 điểm)

**Câu 1.** Cho biểu đồ về dầu mỏ và than sạch của nước ta giai đoạn 2014 - 2018:

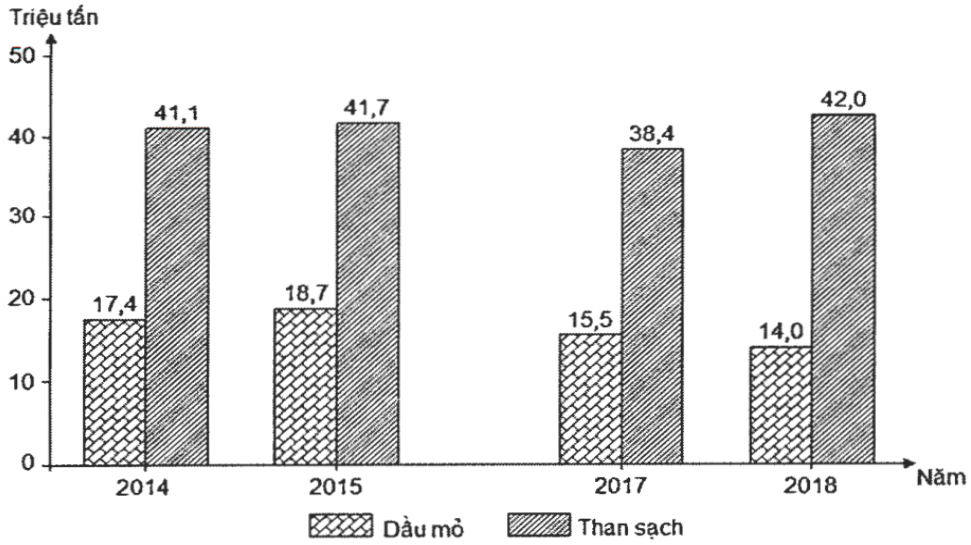


*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**B.** Cơ cấu sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**C.** Quy mô sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**D.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và than sạch.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2019 *(Đơn vị: Triệu kWh)*

| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2019** |
|---|---|---|---|---|
| Nhà nước | 67 678 | 123 291 | 133 081 | 165 548 |
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 5 941 | 7 333 | 12 622 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 12 018 | 17 535 | 13 423 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Đường. **C.** Cột. **D.** Miền.

**Câu 3.** Căn cứ vào Átlat Địa lí Việt Nam trang 12, vườn quốc gia nào dưới đây **không** thuộc vùng đồng bằng sông Hồng?

**A.** Cát Bà **B.** Ba Vì **C.** Xuân Thủy **D.** Ba Bể

**Câu 4.** Ở nước ta, các đồng bằng hạ lưu sông được bồi tụ, mở mang nhanh chóng là hệ quả

**A.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc. **B.** Quá trình xâm thực, bóc mòn mạnh mẽ ở miền núi.
**C.** Sông ngòi nhiều nước. **D.** Chế độ nước sông theo mùa.

**Câu 5.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có mưa nhiều từ tháng IX đến tháng XII?

**A.** Sa Pa. **B.** Nha Trang. **C.** Đà Lạt. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 6.** Vùng phía Nam nước ta **không** có đai ôn đới gió mùa trên núi vì

**A.** nằm gần xích đạo. **B.** không có gió mùa Đông Bắc hoạt động.

**C.** nằm kề vùng biển rộng. **D.** không có độ cao trên 2600 m.

**Câu 7.** Tính nhiệt đới ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ tăng dần về phía Nam **không** phải là do

**A.** Tín phong Đông Bắc thổi ổn định quanh năm.

**B.** càng gần xích đạo nên lượng bức xạ càng tăng.

**C.** ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc bị giảm sút.

**D.** ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam khô nóng.

**Câu 8.** Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ có đặc điểm tự nhiên nào dưới đây?

**A.** Mở rộng ra biển và các bãi triều thấp phẳng.

**B.** Các dạng địa hình bồi tụ, mài mòm xen kẽ lẫn nhau.

**C.** Hẹp ngang, bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ.

**D.** Thềm lục địa khúc khuỷu với thềm lục địa hẹp.

**Câu 9.** Ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, sự hạ thấp đai cao cận nhiệt đới chủ yếu do

**A.** hướng vòng cung của các dãy núi. **B.** đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

**C.** hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc. **D.** ảnh hưởng của gió mùa Đông Nam.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây **không** thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

**A.** Đông Triều. **B.** Hoành Sơn. **C.** Ngân Sơn. **D.** Cai Kinh.

**Câu 11.** Sự phân mùa của khí hậu nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Sự phân bố lượng mưa theo mùa. **B.** Bức xạ từ Mặt Trời tới.

**C.** Hoạt động của gió mùa. **D.** Hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

**Câu 12.** Nguyên nhân chính làm cho tài nguyên đất của nước ta bị thoái hoá là

**A.** Có sự khác biệt lớn giữa các vùng về vốn đất.

**B.** Sức ép của dân số và sử dụng không hợp lí kéo dài.

**C.** Địa hình đồi núi chiếm hơn 3/4 diện tích lãnh thổ.

**D.** Tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 13.** Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

**A.** rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh. **B.** rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

**C.** rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá. **D.** rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.

**Câu 14.** Nguyên nhân nào dưới đây trực tiếp làm cho diện tích đất trống, đồi trọc giảm mạnh trong những năm gần đây?

**A.** Chủ trương toàn dân đẩy mạnh trồng rừng. **B.** Nâng cao nhận thức của người dân.

**C.** Quy định việc khai thác rừng một cách hợp lí. **D.** Ban hành sách Đỏ.

**Câu 15.** Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc đặc trưng cho vùng khí hậu nào

**A.** Nhiệt đới lục địa khô. **B.** Cận nhiệt đơi hải dương .

**C.** Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. **D.** Cận xích đạo gió mùa.

**Câu 16.** Ở nước ta loại đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm là

**A.** đất phù sa ngọt. **B.** đất phèn ,đất mặn **.**

**C.** đất feralit. **D.** đất cát, đát pha cát.

**Câu 17.** Sự phân hóa thiên nhiên giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do

**A.** độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.

**B.** độ cao địa hình và hướng các dãy núi.

**C.** ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật.

**D.** tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.

**Câu 18.** Cần thực hiện biện pháp nào về mặt kĩ thuật canh tác để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi?

**A.** Trồng cây theo băng. **B.** Bảo vệ rừng và đất rừng.

**C.** Ngăn chặn nạn du canh, du cư. **D.** Cải tạo đất hoang.

**Câu 19.** Tính độ che phủ của nước ta năm 2015 biết tổng diện tích rừng là 13,5 triệu ha, diện tích lãnh thổ nước ta là 33,1 triệu ha.

**A.** 0,40%. **B.** 0,24%. **C.** 24,4%. **D.** 40,8%.

**Câu 20.** Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho gió mùa đông bắc xâm nhập sâu vào nước ta?

**A.** Hướng vòng cung của các dãy núi ở vùng Đông Bắc.

**B.** Nước ta có nhiều đồi núi.

**C.** Các dãy núi chủ yếu có hướng tây bắc - đông nam.

**D.** Phía bắc giáp Trung Quốc.

**PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)**

**Câu 1.** (2,0 điểm) Phân tích biểu hiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần sông ngòi, sinh vật ở nước ta?

**Câu 2.** (3,0 điểm) Cho vào bảng số liệu sau:

**DIỆN TÍCH SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG**

**Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1998 - 2019**

| **Năm** | **1998** | **2006** | **2010** | **2019** |
|---|---|---|---|---|
| Diện tích nuôi trồng *(nghìn ha)* | 525 | 977 | 1053 | 1056 |
| Sản lượng *(nghìn tấn)* | 425 | 1694 | 2728 | 3413 |

a. Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện diện tích và sản lượng thủy sản nước ta qua các năm.

b. Nhận xét về diện tích và sản lượng thủy sản nước ta qua các năm.

.....HẾT.....

*(Học sinh được sử dụng Atlat ĐLVN do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 - nay)*

*Họ và tên học sinh : ……..Lớp 12……..SBD……*

| | |
|---|---|
| TRƯỜNG THPT<br>CAO BÁ QUÁT-QUỐC OAI<br>**TỔ LÝ-HÓA-ĐỊA**<br>**ĐỀ CHÍNH THỨC**<br>*Đề thi có 03 trang* | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1**<br>**Năm học 2022-2023**<br>Môn : Địa lí 12<br>Thời gian : 45'; Không kể thời gian phát đề.<br>Ngày kiểm tra: 31/12/2022 |

*Đề thi gồm 20 câu trắc nghiệm và 2 câu tự luận.* **Mã đề : 225**

## PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 điểm)

**Câu 1.** Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho gió mùa đông bắc xâm nhập sâu vào nước ta?
**A.** Hướng vòng cung của các dãy núi ở vùng Đông Bắc.
**B.** Các dãy núi chủ yếu có hướng tây bắc - đông nam.
**C.** Nước ta có nhiều đồi núi.
**D.** Phía bắc giáp Trung Quốc.

**Câu 2.** Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ có đặc điểm tự nhiên nào dưới đây?
**A.** Các dạng địa hình bồi tụ, mài mòm xen kẽ lẫn nhau.
**B.** Hẹp ngang, bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ.
**C.** Thềm lục địa khúc khuỷu với thềm lục địa hẹp.
**D.** Mở rộng ra biển và các bãi triều thấp phẳng.

**Câu 3.** Ở nước ta, các đồng bằng hạ lưu sông được bồi tụ, mở mang nhanh chóng là hệ quả
**A.** Chế độ nước sông theo mùa. **B.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
**C.** Quá trình xâm thực, bóc mòn mạnh mẽ ở miền núi. **D.** Sông ngòi nhiều nước.

**Câu 4.** Căn cứ vào Átlat Địa lí Việt Nam trang 12, vườn quốc gia nào dưới đây **không** thuộc vùng đồng bằng sông Hồng?
**A.** Ba Bể **B.** Ba Vì **C.** Xuân Thủy **D.** Cát Bà

**Câu 5.** Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc đặc trưng cho vùng khí hậu nào
**A.** Cận nhiệt đơi hải dương . **B.** Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
**C.** Nhiệt đới lục địa khô. **D.** Cận xích đạo gió mùa.

**Câu 6.** Nguyên nhân chính làm cho tài nguyên đất của nước ta bị thoái hoá là
**A.** Có sự khác biệt lớn giữa các vùng về vốn đất.
**B.** Tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
**C.** Địa hình đồi núi chiếm hơn 3/4 diện tích lãnh thổ.
**D.** Sức ép của dân số và sử dụng không hợp lí kéo dài.

**Câu 7.** Sự phân hóa thiên nhiên giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do
**A.** độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển. **B.** tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.
**C.** ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật. **D.** độ cao địa hình và hướng các dãy núi.

**Câu 8.** Tính độ che phủ của nước ta năm 2015 biết tổng diện tích rừng là 13,5 triệu ha, diện tích lãnh thổ nước ta là 33,1 triệu ha.
**A.** 0,40%. **B.** 24,4%. **C.** 40,8%. **D.** 0,24%.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có mưa nhiều từ tháng IX đến tháng XII?
**A.** Thanh Hóa. **B.** Nha Trang. **C.** Đà Lạt. **D.** Sa Pa.

**Câu 10.** Ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, sự hạ thấp đai cao cận nhiệt đới chủ yếu do
**A.** hướng vòng cung của các dãy núi. **B.** đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
**C.** ảnh hưởng của gió mùa Đông Nam. **D.** hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc.

**Câu 11.** Tính nhiệt đới ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ tăng dần về phía Nam **không** phải là do
**A.** càng gần xích đạo nên lượng bức xạ càng tăng.
**B.** ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc bị giảm sút.
**C.** Tín phong Đông Bắc thổi ổn định quanh năm.
**D.** ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam khô nóng.

**Câu 12.** Nguyên nhân nào dưới đây trực tiếp làm cho diện tích đất trống, đồi trọc giảm mạnh trong những năm gần đây?

**A.** Ban hành sách Đỏ. **B.** Chủ trương toàn dân đẩy mạnh trồng rừng.
**C.** Nâng cao nhận thức của người dân. **D.** Quy định việc khai thác rừng một cách hợp lí.

**Câu 13.** Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

**A.** rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá. **B.** rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
**C.** rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa. **D.** rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

**Câu 14.** Cho biểu đồ về dầu mỏ và than sạch của nước ta giai đoạn 2014 - 2018:

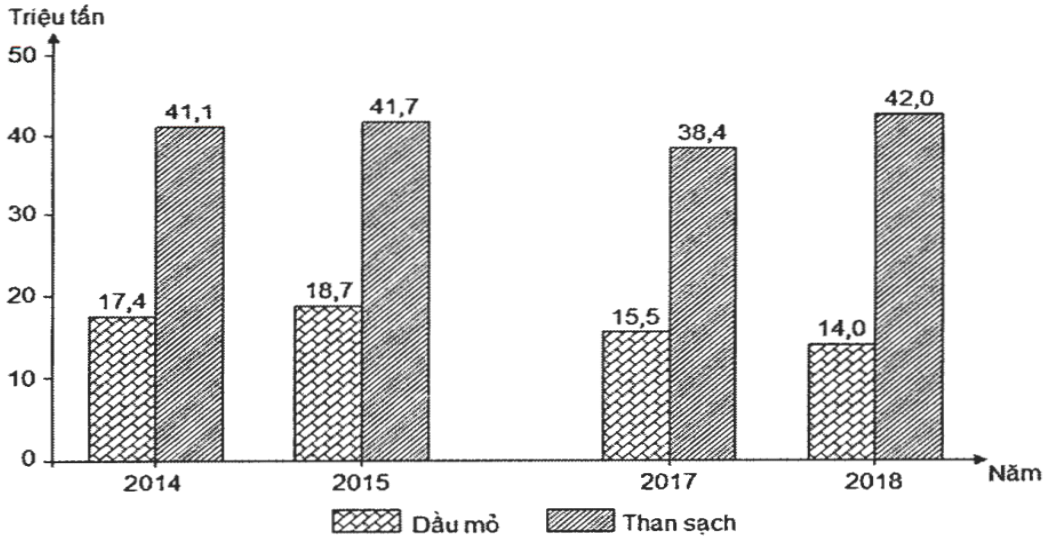


*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Quy mô sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**B.** Cơ cấu sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**C.** Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**D.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và than sạch.

**Câu 15.** Cần thực hiện biện pháp nào về mặt kĩ thuật canh tác để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi?

**A.** Cải tạo đất hoang. **B.** Bảo vệ rừng và đất rừng.
**C.** Ngăn chặn nạn du canh, du cư. **D.** Trồng cây theo băng.

**Câu 16.** Vùng phía Nam nước ta **không** có đai ôn đới gió mùa trên núi vì

**A.** nằm kề vùng biển rộng. **B.** không có gió mùa Đông Bắc hoạt động.
**C.** nằm gần xích đạo. **D.** không có độ cao trên 2600 m.

**Câu 17.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây **không** thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

**A.** Ngân Sơn. **B.** Cai Kinh. **C.** Hoành Sơn. **D.** Đông Triều.

**Câu 18.** Sự phân mùa của khí hậu nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh. **B.** Sự phân bố lượng mưa theo mùa.
**C.** Hoạt động của gió mùa. **D.** Bức xạ từ Mặt Trời tới.

**Câu 19.** Ở nước ta loại đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm là

**A.** đất feralit. **B.** đất cát, đát pha cát.
**C.** đất phù sa ngọt. **D.** đất phèn ,đất mặn **.**

**Câu 20.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2019 *(Đơn vị: Triệu kWh)*

| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2019** |
|---|---|---|---|---|
| Nhà nước | 67 678 | 123 291 | 133 081 | 165 548 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 5 941 | 7 333 | 12 622 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 12 018 | 17 535 | 13 423 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Tròn. **C.** Đường. **D.** Cột.

**PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)**

**Câu 1.** (2,0 điểm) Phân tích biểu hiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần ở địa hình và đất nước ta?

**Câu 2.** (3,0 điểm) Cho bảng số liệu

TỈ LỆ LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2019 *(Đơn vị: %)*

| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2019** |
|---|---|---|---|---|
| Thành thị | 27,9 | 30,7 | 32,5 | 32,4 |
| Nông thôn | 72,1 | 69,3 | 67,5 | 67,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

a.Vẽ biểu đồ(miền) thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo thành thị và nông thôn nước ta, giai đoạn 2010 – 2019.

b.Từ biểu đồ và bảng số liệu hãy nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo thành thị và nông thôn nước ta, giai đoạn 2010 – 2019.

.....HẾT.....

*(Học sinh được sử dụng Atlat ĐLVN do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 - nay)*

*Họ và tên học sinh : ……..Lớp 12……..SBD……*

TRƯỜNG THPT
CAO BÁ QUÁT-QUỐC OAI
**TỔ LÝ-HÓA-ĐỊA**
**ĐỀ CHÍNH THỨC**
*Đề thi có 03 trang*

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1**
**Năm học 2022-2023**
Môn : Địa lí 12
Thời gian : 45'; Không kể thời gian phát đề.
Ngày kiểm tra: 31/12/2022

*Đề thi gồm 20 câu trắc nghiệm và 2 câu tự luận.* **Mã đề : 259**

## PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 điểm)

**Câu 1.** Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc đặc trưng cho vùng khí hậu nào
**A.** Cận xích đạo gió mùa. **B.** Nhiệt đới lục địa khô.
**C.** Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. **D.** Cận nhiệt đơi hải dương .

**Câu 2.** Sự phân hóa thiên nhiên giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do
**A.** độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển. **B.** tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.
**C.** độ cao địa hình và hướng các dãy núi. **D.** ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2019 *(Đơn vị: Triệu kWh)*

| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2019** |
|---|---|---|---|---|
| Nhà nước | 67 678 | 123 291 | 133 081 | 165 548 |
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 5 941 | 7 333 | 12 622 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 12 018 | 17 535 | 13 423 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?
**A.** Đường. **B.** Cột. **C.** Miền. **D.** Tròn.

**Câu 4.** Cho biểu đồ về dầu mỏ và than sạch của nước ta giai đoạn 2014 - 2018:

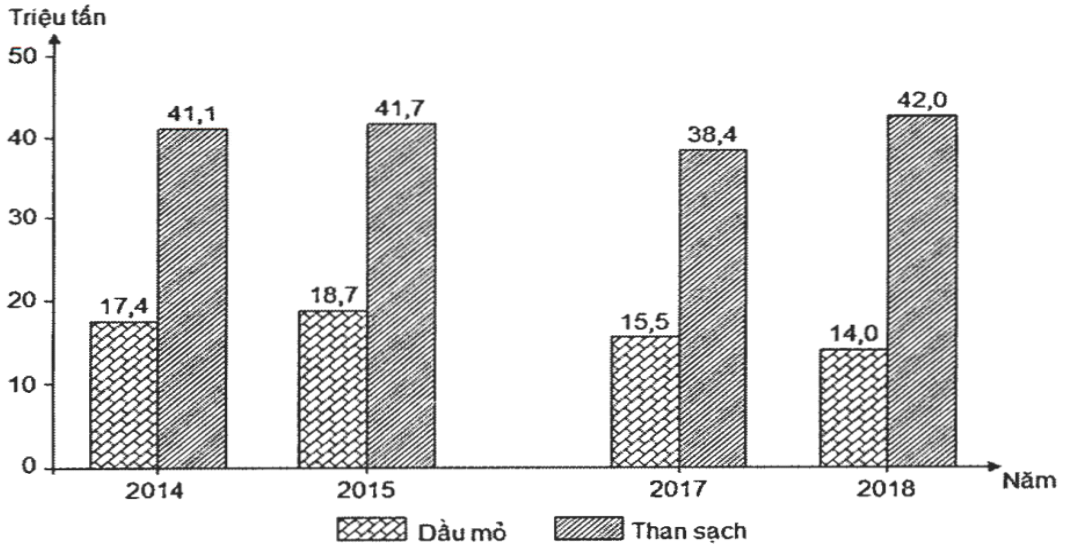


*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?
**A.** Cơ cấu sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**B.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**C.** Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu mỏ và than sạch.
**D.** Quy mô sản lượng dầu mỏ và than sạch.

**Câu 5.** Ở nước ta loại đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm là
**A.** đất phèn ,đất mặn **.** **B.** đất feralit.
**C.** đất cát, đát pha cát. **D.** đất phù sa ngọt.

**Câu 6.** Nguyên nhân nào dưới đây trực tiếp làm cho diện tích đất trống, đồi trọc giảm mạnh trong những năm gần đây?

**A.** Nâng cao nhận thức của người dân.
**B.** Quy định việc khai thác rừng một cách hợp lí.
**C.** Ban hành sách Đỏ.
**D.** Chủ trương toàn dân đẩy mạnh trồng rừng.

**Câu 7.** Cần thực hiện biện pháp nào về mặt kĩ thuật canh tác để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi?

**A.** Bảo vệ rừng và đất rừng. **B.** Ngăn chặn nạn du canh, du cư.
**C.** Cải tạo đất hoang. **D.** Trồng cây theo băng.

**Câu 8.** Vùng phía Nam nước ta **không** có đai ôn đới gió mùa trên núi vì

**A.** nằm gần xích đạo. **B.** nằm kề vùng biển rộng.
**C.** không có độ cao trên 2600 m. **D.** không có gió mùa Đông Bắc hoạt động.

**Câu 9.** Sự phân mùa của khí hậu nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Sự phân bố lượng mưa theo mùa. **B.** Bức xạ từ Mặt Trời tới.
**C.** Hoạt động của gió mùa. **D.** Hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

**Câu 10.** Ở nước ta, các đồng bằng hạ lưu sông được bồi tụ, mở mang nhanh chóng là hệ quả

**A.** Quá trình xâm thực, bóc mòn mạnh mẽ ở miền núi. **B.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
**C.** Chế độ nước sông theo mùa. **D.** Sông ngòi nhiều nước.

**Câu 11.** Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho gió mùa đông bắc xâm nhập sâu vào nước ta?

**A.** Hướng vòng cung của các dãy núi ở vùng Đông Bắc.
**B.** Phía bắc giáp Trung Quốc.
**C.** Các dãy núi chủ yếu có hướng tây bắc - đông nam.
**D.** Nước ta có nhiều đồi núi.

**Câu 12.** Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ có đặc điểm tự nhiên nào dưới đây?

**A.** Thềm lục địa khúc khuỷu với thềm lục địa hẹp.
**B.** Hẹp ngang, bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ.
**C.** Mở rộng ra biển và các bãi triều thấp phẳng.
**D.** Các dạng địa hình bồi tụ, mài mòm xen kẽ lẫn nhau.

**Câu 13.** Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

**A.** rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
**B.** rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.
**C.** rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
**D.** rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

**Câu 14.** Căn cứ vào Átlat Địa lí Việt Nam trang 12, vườn quốc gia nào dưới đây **không** thuộc vùng đồng bằng sông Hồng?

**A.** Ba Bể **B.** Ba Vì **C.** Cát Bà **D.** Xuân Thủy

**Câu 15.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây **không** thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

**A.** Cai Kinh. **B.** Ngân Sơn. **C.** Đông Triều. **D.** Hoành Sơn.

**Câu 16.** Tính nhiệt đới ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ tăng dần về phía Nam **không** phải là do

**A.** ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam khô nóng.
**B.** Tín phong Đông Bắc thổi ổn định quanh năm.
**C.** càng gần xích đạo nên lượng bức xạ càng tăng.
**D.** ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc bị giảm sút.

**Câu 17.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có mưa nhiều từ tháng IX đến tháng XII?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Đà Lạt. **C.** Sa Pa. **D.** Nha Trang.

**Câu 18.** Tính độ che phủ của nước ta năm 2015 biết tổng diện tích rừng là 13,5 triệu ha, diện tích lãnh thổ nước ta là 33,1 triệu ha.

**A.** 24,4%. **B.** 40,8%. **C.** 0,24%. **D.** 0,40%.

**Câu 19.** Nguyên nhân chính làm cho tài nguyên đất của nước ta bị thoái hoá là

**A.** Địa hình đồi núi chiếm hơn 3/4 diện tích lãnh thổ.

**B.** Sức ép của dân số và sử dụng không hợp lí kéo dài.

**C.** Tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**D.** Có sự khác biệt lớn giữa các vùng về vốn đất.

**Câu 20.** Ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, sự hạ thấp đai cao cận nhiệt đới chủ yếu do

**A.** hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc. **B.** đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

**C.** ảnh hưởng của gió mùa Đông Nam. **D.** hướng vòng cung của các dãy núi.

## PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

**Câu 1.** (2,0 điểm) Phân tích biểu hiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần sông ngòi, sinh vật ở nước ta?

**Câu 2.** (3,0 điểm) Cho vào bảng số liệu sau:

**DIỆN TÍCH SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG**

**Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1998 - 2019**

| **Năm** | **1998** | **2006** | **2010** | **2019** |
|---|---|---|---|---|
| Diện tích nuôi trồng *(nghìn ha)* | 525 | 977 | 1053 | 1056 |
| Sản lượng *(nghìn tấn)* | 425 | 1694 | 2728 | 3413 |

a. Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện diện tích và sản lượng thủy sản nước ta qua các năm.

b. Nhận xét về diện tích và sản lượng thủy sản nước ta qua các năm.

.....HẾT.....

*(Học sinh được sử dụng Atlat ĐLVN do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 - nay)*